

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghị.

Bà Lê Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/02/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Nhật T1, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2019, quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là bà Đặng Thị Thanh T trình bày:**

Bà và ông T1 xây dựng gia đình với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà về sống chung tại thôn C, xã P, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, ông T1 sống không có trách nhiệm còn đánh đập bà. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, bà xác định không còn tình cảm gì với ông T1 nữa, mâu thuẫn không hòa giải được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T1.

Về quan hệ con chung: Bà xác định bà và ông T1 có 01 con chung tên là Lê Thanh P, sinh ngày 03/01/2017. Tại phiên tòa bà có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

*** *Quá trình tố tụng bị đơn là ông Lê Nhật T1 trình bày:***

Ông thông nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nên giữa vợ chồng có những bất đồng nên thường hay cãi vã; ông thừa nhận mình có 02 lần đánh vợ và từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người mỗi nơi. Tuy nhiên, ông cho rằng mình vẫn còn tình cảm nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông xác định có 01 con chung tên là tên là Lê Thanh P, sinh ngày 03/01/2017. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì ông có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* *Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* 01 giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh của con chung, bản sao CMND và sổ hộ khẩu, bản tự khai của nguyên đơn và bị đơn, biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của bà T và áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình xử cho bà T được ly hôn ông T1. Về con chung: Đề nghị giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung bà T ông T1 xác định không có nên không đề cập đến. Về án phí HNGĐST bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh T khởi kiện bị đơn là ông Lê Nhật T1 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Hòa Vang.

Do vậy, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là ông Lê Nhật T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Bà Đặng Thị Thanh T và ông Lê Nhật T1 xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hội đủ các điều kiện do Luật hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên tha thiết xin ly hôn, còn ông T1 vắng mặt nhưng quá trình tố tụng thì không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn tình cảm. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa thì HĐXX có đủ cơ sở để xác định: Quá trình sống chung thì giữa vợ chồng bà T và ông T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau; ông T1 thừa nhận đã có hai lần đánh đập bà T và vợ chồng đã sống ly thân từ hơn năm 2017 đến nay, mỗi người mỗi nơi không còn quan tâm gì đến nhau. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông T1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không T1 kéo dài và mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó HĐXX xét thấy yêu cầu xin được ly hôn của bà T đối với ông T1 là chính đáng, phù hợp với pháp luật nên cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà T được ly hôn đối với ông T1.

[2] Về con chung: Bà T và ông T1 xác định có 01 con chung tên là Lê Thanh P, sinh ngày 03/01/2017. Cả bà T và ông T1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con; HĐXX xét thấy con chung hiện đang còn nhỏ, mới hơn 3 tuổi, từ trước đến nay con chung do bà T nuôi dưỡng chăm sóc, do vậy cần giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, bảo đảm cho sự phát triển của con chung. Các bên đương sự vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà T yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, ông T1 là người không trực tiếp nuôi con chung nên phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, vì vậy HĐXX thấy cần buộc ông T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung đến tuổi thành niên là phù hợp.

[3] Về tài sản chung và nợ chung bà T và ông T1 đều xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Án phí Dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà T phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) ông Lê Nhật T1 phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh T đối với ông Lê Nhật T1 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đặng Thị Thanh T được ly hôn ông Lê Nhật T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Lê Thanh P, sinh ngày 03/01/2017 cho bà Đặng Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Nhật T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho đến khi con chung đến tuổi thành niên (18 tuổi).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Đặng Thị Thanh T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0111 ngày 27/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án phí Dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) ông Lê Nhật T1 phải chịu.

4. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
 - *VKSND huyện Hòa Vang;*
 - *Chi cục THADS huyện Hòa Vang;*
 - *UBND xã Hòa Phong*
- (Số ĐKKH: 66 ngày 05/7/2016);
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Anh Tuấn